



Original Article

Training Programs' Quality of Universities in Vietnam: Exploitation the results of Education Accreditation Assessment from 2017 to 2023

Bui Vu Anh^{1,*}, Dinh Thi Thu Trang²

¹VNU Institute for Education Quality Assurance,

HT1 Building, VNU Town in Hoa Lac, Thach That, Hanoi, Vietnam

²VNU University of Education, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 03rd March 2024

Revised 17th November 2024; Accepted 21st November 2024

Abstract: Education accreditation is the process of external quality assessment to evaluate colleges, universities, and training programs to ensure and improve education quality, conducted by education quality accreditation agents. This study aims to show the level of fulfilment of accreditation requirements for Vietnamese universities' training programs by examining the results of quality accreditation of training programs in the country from 2017 to 2023 in accordance of Circular No. 04/2016/TT-BGDĐT Dated March 14, 2016 of Ministry of Education and Training. The evaluation of the quality of training programs through the accreditation results in this study focuses on two aspects: researching on each criterion examination and on the relation of Result criteria with the rest. The research results show that, when examining each criterion individually, most of the training programs meet the requirements set forth by the educational quality accreditation. However, when analyzing in pair of Result criteria with others, the authors found a corresponding mismatch in meeting the requirements of program quality accreditation. This finding helps education quality assurance practitioners and institutions make adjustments to improve the quality of training programs.

Keywords: Education accreditation, education quality, education quality assurance.

* Corresponding author.

E-mail address: vuanh@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4899>

Chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học Việt Nam: khai thác từ kết quả kiểm định chất lượng giáo dục từ năm 2017 đến 2023

Bùi Vũ Anh^{1,*}, Đinh Thị Thu Trang²

¹*Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội,*

Tòa nhà HT1, Khu Đô thị Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc, Thạch Thất, Hà Nội, Việt Nam

²*Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 03rd tháng 3 năm 2024

Chỉnh sửa ngày 17 tháng 11 năm 2024; Chấp nhận đăng ngày 21 tháng 11 năm 2024

Tóm tắt: Kiểm định chất lượng giáo dục là quá trình đánh giá các trường cao đẳng, đại học và các chương trình đào tạo theo một bộ tiêu chuẩn do các đơn vị kiểm định chất lượng giáo dục thực hiện nhằm bảo đảm và cải tiến chất lượng. Bài báo này nghiên cứu và làm rõ mức độ đáp ứng so với yêu cầu của kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo thông qua kết quả kiểm định chất lượng của chương trình đào tạo đại học trên cả nước trong giai đoạn 2017 - 2023 theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc đánh giá chất lượng của các chương trình đào tạo thông qua kết quả kiểm định chất lượng trong nghiên cứu này tập trung vào hai khía cạnh: nghiên cứu theo từng tiêu chuẩn độc lập và nghiên cứu theo mối quan hệ giữa tiêu chuẩn Kết quả (Tiêu chuẩn 11) với các tiêu chuẩn còn lại. Kết quả thu được cho thấy, khi tiếp cận ở từng tiêu chuẩn, hầu hết các chương trình đào tạo đều đáp ứng các yêu cầu đặt ra của bộ tiêu chuẩn. Tuy nhiên, khi tiến hành phân tích mối quan hệ theo cặp giữa tiêu chuẩn Kết quả với từng tiêu chuẩn còn lại, nhóm tác giả nhận thấy có sự chưa tương ứng trong việc đáp ứng một cách đồng bộ giữa các cặp tiêu chuẩn. Phát hiện những cặp tiêu chuẩn chưa đáp ứng một cách đồng bộ sẽ là một lưu ý cho các cơ sở giáo dục có những điều chỉnh phù hợp để cải tiến và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

Từ khóa: Kiểm định chất lượng, chất lượng chương trình đào tạo, bảo đảm chất lượng.

1. Mở đầu

Chất lượng giáo dục đại học là một khái niệm đa chiều, bởi có sự khác biệt trong nhu cầu của các bên liên quan [1]. Chất lượng trong giáo dục đại học đề cập đến nhiều khía cạnh, bao gồm: quản lý con người, hệ thống thông tin, quản lý quá trình thực hiện, các bên liên quan, lập kế hoạch, lãnh đạo, vấn đề thiết kế và quản lý hiệu suất thực hiện [2]. Vấn đề bảo đảm chất lượng giáo dục được các quốc gia, các tổ chức và mạng lưới giáo dục khu vực và quốc tế quan tâm [3]. Bảo đảm chất lượng là các hệ thống,

chính sách, thủ tục, quy trình, hành động và thái độ được các cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ sở giáo dục xác định, xây dựng và triển khai nhằm đạt được, duy trì, giám sát và củng cố chất lượng [4]. Theo [3], bảo đảm chất lượng có những đặc điểm chính như i) tập trung vào quá trình; ii) tập trung vào chức năng giải trình và cải tiến chất lượng; và iii) là một quá trình liên tục và thống nhất dựa trên các tiêu chí đánh giá và thông tin phản hồi.

Tính đến 31/5/2023 (giai đoạn 2017-2023), các trường đại học của Việt Nam đã có 834 chương trình đào tạo được kiểm định chất lượng giáo dục đạt yêu cầu theo bộ tiêu chuẩn của Bộ giáo dục và Đào tạo, ban hành theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016. Mặc dù các chương trình đào tạo này đều đạt

* Tác giả liên hệ:

Địa chỉ email: vuanh@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4899>

yêu cầu chất lượng, tuy nhiên để có cái nhìn toàn diện về mức độ đáp ứng các yêu cầu của kiểm định chất lượng giáo dục theo các tiêu chuẩn, đặc biệt là khi phân tích theo mối quan hệ nguyên nhân - kết quả giữa các tiêu chuẩn, nhóm tác giả đã thực hiện nghiên cứu trên kết quả kiểm định chất lượng của 834 chương trình đào tạo để làm rõ điều này. Câu hỏi nghiên cứu đặt ra là: *i) Các chương trình đào tạo tại các trường đại học ở Việt Nam đáp ứng như thế nào so với yêu cầu của kiểm định chất lượng giáo dục trong giai đoạn 2017 - 2023?; ii) Kết quả kiểm định các chương trình đào tạo phản ánh mối quan hệ nguyên nhân - kết quả như thế nào?*

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1. Quy định và hướng dẫn về kiểm định chất lượng giáo dục

Giáo dục đại học hiện nay đang ghi nhận những kết quả trong chu trình phát triển đáng chú ý cả về chất lượng, số lượng cũng như tầm ảnh hưởng đối với các khía cạnh khác trong xã hội. “Giáo dục đại học và các hoạt động của chúng đóng vai trò quan trọng trên toàn cầu và cho sự thay đổi của thế giới” [5]. Việc gia tăng về mọi mặt trong giáo dục đại học đòi hỏi kéo theo nhu cầu gia tăng về chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo, các vấn đề khác đáp ứng nhu cầu của người học và các bên liên quan. Theo Hội nghị Thế giới về giáo dục đại học năm 1998 của UNESCO, bảo đảm chất lượng đã trở thành mối quan tâm của gần như tất cả các quốc gia. Bảo đảm chất lượng đã nhanh chóng trở thành mối quan tâm hàng đầu trong bối cảnh thay đổi không ngừng của giáo dục đại học trên toàn cầu [6]. Bảo đảm chất lượng nội bộ, kiểm định chất lượng và tự chủ đại học là ba phương thức quản trị quan trọng quyết định tới chất lượng của cơ sở giáo dục. Các điều kiện bảo đảm chất lượng cùng với hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong của cơ sở giáo dục bảo đảm chất lượng về chiến lược, hệ thống, thực hiện chức năng và kết quả. Quản trị đại học muốn phát huy được vai trò ở mức cao thì cần thiết có cơ chế tự chủ đại học để gia tăng các điều kiện và nguồn lực bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục đại học. Tự chủ

đại học được đánh giá theo tiếp cận bảo đảm chất lượng về kết quả, các tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục về các yếu tố đầu vào, quá trình và kết quả hoạt động do các cơ sở giáo dục đạt được [7].

Tại Việt Nam, Điều 17 Luật giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 16/4/2005 lần đầu đưa ra khái niệm kiểm định chất lượng giáo dục, quy định Việc kiểm định chất lượng giáo dục được thực hiện định kỳ trong phạm vi cả nước và đối với từng cơ sở giáo dục. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục được công bố công khai để xã hội biết và giám sát. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục [8]. Luật Giáo dục 2005 cũng quy định Trường đại học được quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và theo điều lệ của nhà trường. Điều 32 Luật 34/2018/QH14 quy định kiểm định chất lượng giáo dục là bắt buộc đối với cơ sở giáo dục đại học và chương trình đào tạo, là một trong bốn điều kiện để thực hiện tự chủ; cơ sở giáo dục cần phân quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình đến từng đơn vị, cá nhân trong cơ sở giáo dục; công khai điều kiện bảo đảm chất lượng, kết quả kiểm định, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm và thông tin khác theo quy định của pháp luật [9].

Đến nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có hệ thống văn bản tương đối đầy đủ nhằm hướng dẫn và triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục như: Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 [10], Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 [11], Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 [12] cùng các văn bản hướng dẫn 1668/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 [13], 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 [14], 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 [15], 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 [16], 1076/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 [17], 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 [18].

Các văn bản Luật cũng đề cập đến vấn đề đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục. Điều 50 Luật giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 16/4/2005 quy định Nhà trường tự đánh giá chất lượng giáo dục và chịu sự kiểm định

chất lượng giáo dục của cơ quan có thẩm quyền kiểm định chất lượng giáo dục [8]. Luật 44/2009/QH12 Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Giáo dục ngày 25/11/2009, tại Điều 1 Khoản 31 bổ sung Mục 3a về Kiểm định chất lượng giáo dục [19]. Tuy nhiên cả hai Luật này chưa quy định về chu kỳ kiểm định và đều đã hết hiệu lực, được thay thế bằng Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 [20] và Luật Giáo dục đại học 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 [21], Luật Sửa đổi bổ sung Luật Giáo dục số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 [9].

Trong Chương VIII, Mục 3, Điều 110 của Luật giáo dục 43/2019/QH14 [20] và Chương VII, Điều 49 Luật giáo dục đại học 08/2012/QH13 [21] quy định mục tiêu và nguyên tắc kiểm định chất lượng giáo dục đại học, trong đó có bổ sung quy định việc kiểm định là “Bình đẳng, bắt buộc, định kỳ” ở cả hai cấp cơ sở giáo dục đại học và chương trình đào tạo, và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục được sử dụng làm căn cứ để cơ sở giáo dục giải trình với chủ sở hữu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các bên liên quan và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục. Điều 32 Khoản 2 của Luật Sửa đổi bổ sung Luật Giáo dục số 34/2018/QH14 quy định điều kiện thực hiện quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học, trong đó đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục đại học là một trong các yêu cầu. Như vậy, việc kiểm định chất lượng giáo dục là luật định và là căn cứ giải trình xã hội của cơ sở giáo dục cũng như là điều kiện của tự chủ đại học.

Theo Nghị định số 99/2019/NĐ-CP, các cơ sở giáo dục đại học phải minh bạch các thông tin về nhà trường, phải chịu trách nhiệm về việc bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định của pháp luật, quy định nội bộ và cam kết của cơ sở giáo dục đại học [22]. Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng ban hành Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, yêu cầu các cơ sở giáo dục công khai các thông tin về cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, thu chi tài chính. Tại Điều 7 khoản 1, tiết m) quy định cơ sở giáo dục phải công khai kết quả

đánh giá ngoài, nghị quyết và kiến nghị của hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục, kết quả công nhận đạt hay không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục [23].

Như vậy có thể thấy mức tự chủ càng cao thì đòi hỏi trách nhiệm giải trình cũng phải càng cao. Nhà nước thực hiện chức năng giám sát và yêu cầu các cơ sở giáo dục đại học thực hiện trách nhiệm giải trình. Các cơ sở giáo dục phải công khai và minh bạch trong các hoạt động của mình trước các cơ quan quản lý, tổ chức cung cấp tài chính và xã hội, đặc biệt là trước người học, nhà tuyển dụng và phụ huynh.

2.2. Nghiên cứu về kết quả kiểm định chất lượng

Năm 2022, TTT Hiền và đồng nghiệp nghiên cứu về mức độ tự chủ của trường đại học trong mối quan hệ với bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng thông qua nghiên cứu kết quả kiểm định chất lượng 117 cơ sở giáo dục (theo bộ tiêu chuẩn ban hành tại Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007), kết quả kiểm định chất lượng giáo dục của 52 cơ sở giáo dục đại học (theo bộ TC ban hành tại Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017) và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục của 392 chương trình đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ (theo bộ tiêu chuẩn ban hành tại Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2014) của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các tác giả so sánh kết quả kiểm định chất lượng giáo dục giữa các nhóm trường theo loại hình công lập - tư thục, nhóm trường công lập thực hiện thí điểm cơ chế tự chủ theo Nghị quyết 77/NQ-CP của Chính phủ và nhóm trường công lập chưa thực hiện thí điểm cơ chế tự chủ nhằm nghiên cứu mối quan hệ giữa việc tự chủ đại học với kết quả kiểm định chất lượng. Quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học cho phép cơ sở giáo dục đại học được tự quyết định các vấn đề của mình, nhưng cũng đề cao trách nhiệm giải trình đối với các bên liên quan và xã hội. Các tác giả đã dẫn chiếu các quy định nhằm khẳng định tự chủ đại học gắn với trách nhiệm giải trình, mà một trong số đó là yêu cầu liên quan đối với kiểm định chất lượng giáo dục. Một nghiên cứu tương tự của LT Tùng năm 2020 về mô hình kiểm định chất lượng giáo dục đại học tại Việt

Nam [26] trên cơ sở tham khảo các mô hình kiểm định chất lượng của Mỹ, Úc và đề xuất với mô hình kiểm định tại Việt Nam. Tác giả nhận định “không tránh khỏi việc lựa chọn trung tâm kiểm định của cơ sở giáo dục không nhằm mục đích cải tiến nâng cao chất lượng”, “kết quả đánh giá có thể có sự khác nhau”.

Nhìn chung, các nghiên cứu chưa đánh giá được mức độ đáp ứng các tiêu chí so với yêu cầu của kiểm định chất lượng của các chương trình đào tạo đại học của Việt Nam. Đồng thời, các nghiên cứu cũng chưa đánh giá rõ mức độ đáp ứng theo mối quan hệ phụ thuộc trực tiếp giữa các tiêu chuẩn và kết quả thực hiện chương trình đào tạo thể hiện qua kết quả kiểm định chất lượng của các chương trình đào tạo.

2.3. Phát triển chương trình đào tạo

Theo [9], Chương trình đào tạo ở một trình độ cụ thể bao gồm: Mục tiêu, chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp; nội dung, phương pháp và hoạt động đào tạo; điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động học thuật của đơn vị được giao nhiệm vụ triển khai đào tạo ngành học đó. Phát triển chương trình đào tạo tập trung chủ yếu về nội dung và các khía cạnh liên quan. Hoạt động này có tác động đến một phạm vi rộng với nhiều chương trình học, khóa học và kinh nghiệm học tập của người học [12]. Tại Việt Nam, quy định về phát triển chương trình đào tạo được thể hiện trong Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT [24] và Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT [25].

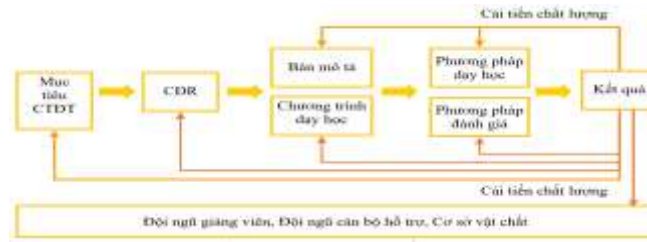
Tại Phụ lục của Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT quy trình xây dựng Chuẩn chương trình đào tạo gồm 7 bước: “i) Thu thập, biên dịch, so sánh, phân tích các tài liệu mô tả các dịch vụ, hoạt động của ngành đào tạo; ii) Khảo sát, xây dựng danh mục các nhóm công việc cho từng đối tượng có liên quan; iii) Khảo sát, thu thập ý kiến, quan điểm của các bên liên quan; iv) Xây dựng dự thảo chuẩn chương trình đào tạo; v) Khảo sát ý kiến của các bên liên quan về dự thảo chuẩn chương trình đào tạo và tính khả thi của việc áp dụng; vi) Hoàn thiện dự thảo chuẩn chương trình đào tạo và khả năng áp dụng tại Việt Nam; và vii) Hoàn thiện dự

thảo chuẩn chương trình đào tạo và báo cáo kết quả rà soát, nghiên cứu và phân tích nhu cầu năng lực để các đơn vị đào tạo có cơ sở triển khai.

Với mỗi chương trình đào tạo, xác định mục tiêu đào tạo là yêu cầu được xác định trước. Theo Điều 4 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, mục tiêu của chương trình đào tạo cần nêu rõ được kỳ vọng của cơ sở đào tạo về năng lực và triển vọng nghề nghiệp của người tốt nghiệp, xác định được định hướng đào tạo và đáp ứng nhu cầu tuyển dụng. Đồng thời, mục tiêu này phải phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo cũng như nhu cầu của xã hội; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học. Trên cơ sở mục tiêu được xác định, các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được tuyên bố phù hợp theo. Thông qua việc thực hiện các chuẩn đầu ra, mục tiêu của chương trình đào tạo theo đó sẽ được thực hiện [25] (Hình 1).

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được thực hiện thông qua các nội dung, kiến thức được lựa chọn trong khi chương trình dạy học, phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá là các công cụ cần thiết để thực hiện và đánh giá chuẩn đầu ra ở từng học phần. Đội ngũ giảng viên, cán bộ hỗ trợ, các hoạt động hỗ trợ và cơ sở vật chất, trang thiết bị là điều kiện cơ bản để thực hiện thành công chương trình đào tạo. Bên cạnh đó, kết quả đầu ra cũng như hoạt động đánh giá kết quả thực hiện được là cơ sở cho những cải tiến chất lượng nhằm mục tiêu thực hiện chương trình đào tạo tốt hơn ở chu kỳ tiếp theo.

Như vậy, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo là hiện thực hoá mục tiêu đào tạo; nội dung và cấu trúc chương trình dạy học phải được thiết kế nhằm thực hiện chuẩn đầu ra; phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá phải tương thích với chuẩn đầu ra; các nguồn lực thực hiện chương trình đào tạo phải phù hợp để thực hiện chương trình đào tạo nhằm thu được kết quả mong đợi,... Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT đã ban hành bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục với 11 tiêu chuẩn với mối quan hệ như trong Hình 2, Bảng 1.



Hình 1. Sơ đồ về mối liên hệ giữa các thành phần của chương trình đào tạo.



Hình 2. Kiến trúc bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

Bảng 1. Các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng được ban hành theo Thông tư 04/2016/BGDĐT

Tiêu chuẩn	Nội dung
1	Mục tiêu, chuẩn đầu ra
2	Bản mô tả chương trình đào tạo
3	Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học
4	Phương pháp tiếp cận trong dạy và học
5	Đánh giá kết quả học tập
6	Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên
7	Đội ngũ nhân viên
8	Người học và hoạt động hỗ trợ người học
9	Cơ sở vật chất và trang thiết bị
10	Nâng cao chất lượng
11	Kết quả đầu ra

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng hai phương pháp chính là phân tích các tài liệu (định tính) và kết quả kiểm định chất lượng của 834 chương trình đào tạo (định lượng). Phương pháp định tính nhằm xây dựng khung lý thuyết về quy trình phát triển chương trình đào tạo, các tiêu chuẩn đánh giá chương trình đào tạo và mối quan hệ trực tiếp giữa các tiêu chuẩn, làm cơ sở cho việc áp dụng phương pháp định lượng trên kết quả kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo trong giai đoạn nghiên cứu. Việc đánh giá chất lượng của

các chương trình đào tạo thông qua kết quả kiểm định chất lượng trong nghiên cứu này tập trung vào hai khía cạnh: nghiên cứu các phân tích thống kê của từng tiêu chuẩn một cách độc lập và nghiên cứu theo mối quan hệ giữa tiêu chuẩn Kết quả (Tiêu chuẩn 11) với các tiêu chuẩn liên quan khác.

Từ khung nghiên cứu quy trình thiết kế chương trình đào tạo, thông qua sự tác động, ảnh hưởng của các tiêu chuẩn của Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục, tác giả nghiên cứu đánh giá mức độ phù hợp, sự đáp ứng lẫn nhau giữa các cặp tiêu chuẩn như trong Bảng 2.

Bảng 2. Ghép cặp các tiêu chuẩn

STT	Cặp ghép	Mục tiêu nghiên cứu
1	TC11 - TC1	Mối quan hệ giữa Kết quả đầu ra khi thực hiện chương trình đào tạo với Mục tiêu và chuẩn đầu ra?
2	TC11 - TC2	Mối quan hệ giữa Kết quả đầu ra khi thực hiện chương trình đào tạo với Bản mô tả chương trình đào tạo?
3	TC11 - TC3	Mối quan hệ giữa Kết quả đầu ra khi thực hiện chương trình đào tạo với Cấu trúc và nội dung của chương trình dạy học?
4	TC11 - TC4	Mối quan hệ giữa Kết quả đầu ra khi thực hiện chương trình đào tạo với Phương pháp tiếp cận trọng dạy và học?
5	TC11 - TC5	Mối quan hệ giữa Kết quả đầu ra khi thực hiện chương trình đào tạo với việc Đánh giá kết quả học tập của người học?
6	TC11 - TC6	Mối quan hệ giữa Kết quả đầu ra với Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên?
7	TC11 - TC7	Mối quan hệ giữa Kết quả đầu ra khi thực hiện chương trình đào tạo với Đội ngũ nhân viên trong cơ sở giáo dục?
8	TC11 - TC8	Mối quan hệ giữa Kết quả đầu ra khi thực hiện chương trình đào tạo với Người học và hoạt động hỗ trợ người học?
9	TC11 - TC9	Mối quan hệ giữa Kết quả đầu ra khi thực hiện chương trình đào tạo với Cơ sở vật chất và trang thiết bị?
10	TC11 - TC10	Mối quan hệ giữa Kết quả đầu ra khi thực hiện chương trình đào tạo với việc Nâng cao chất lượng?

4. Kết quả

4.1. Thang đo

Qua nghiên cứu dữ liệu thực tế kết quả kiểm định chất lượng giáo dục của 834 chương trình đào tạo, điểm trung bình đánh giá thấp nhất là 3,3 và cao nhất là 5,0. Nhóm nghiên cứu tách ra thành thang đánh giá 3 mức. Việc này cũng giúp hạn chế sự khác biệt trong quá trình đánh giá của đánh giá viên ở 7 trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục hiện có ở Việt Nam và cũng phù hợp với quy định về mức đạt ở từng tiêu chí (mức 4, theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT). Cụ thể:

- i) Mức 1 (Chưa đáp ứng): điểm trung bình từ 3,3 đến dưới 3,8;
- ii) Mức 2 (Đáp ứng): điểm trung bình từ 3,8 đến 4,4 điểm;
- iii) Mức 3 (Đáp ứng cao): điểm trung bình trên 4,4 điểm.

Do nghiên cứu không tập trung vào đánh giá mức độ xuất sắc của việc thực hiện chương trình đào tạo nên chỉ dừng ở các mức đánh giá này.

4.2. Nghiên cứu theo Tiêu chuẩn

Kết quả phân tích kết quả kiểm định chất lượng giáo dục của 834 chương trình đào tạo

cho thấy phần lớn các tiêu chuẩn đạt mức điểm 3, 4; tiếp đó là các tiêu chuẩn đạt mức điểm 5; một số ít chương trình đào tạo có các tiêu chuẩn đạt mức điểm 2 và 6. Điều này có thể giải thích được do các chương trình đào tạo được nghiên cứu đều đã đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng. Kết quả như Bảng 3.

Dữ liệu từ Bảng 1 cho thấy ở các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 5, 10 có tỷ lệ Chưa đáp ứng rất cao (trên 50%), cá biệt tiêu chuẩn 3 (Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học) có mức độ Chưa đáp ứng lên đến 83,6%, tiêu chuẩn 5 (Đánh giá kết quả học tập của người học) có mức độ Chưa đáp ứng tới 62,6%. Các tiêu chuẩn 9, 11 cũng có mức độ Chưa đáp ứng cao (trên 40%). Ở tất cả các tiêu chuẩn, Mức độ Đáp ứng cao có tỷ lệ đạt được đều thấp. Mức cao nhất là ở tiêu chuẩn 8 (Người học và hoạt động hỗ trợ người học - 19,7%) và tiêu chuẩn 9 (Cơ sở vật chất và trang thiết bị - 10,1%) (Bảng 3).

4.3. Nghiên cứu ghép theo cặp với tiêu chuẩn Kết quả (Tiêu chuẩn 11)

Ở các cặp tiêu chuẩn 11-2, 11-3, 11-5, 11-9 và 11-10, tỷ lệ cùng Chưa đáp ứng yêu cầu chiếm trên 20% thể hiện chúng có mối quan hệ. Tỷ lệ các cặp Cùng đáp ứng cao nói chung là

thấp. Trong số này có cặp tiêu chuẩn 11-3 có tỷ lệ Chưa đáp ứng là cao nhất nhưng có 3,6% chương trình đào tạo được đánh giá tiêu chuẩn Kết quả cao hơn so với Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo; cặp tiêu chuẩn 11-8 có tỷ lệ Cùng đáp ứng cao là trội hơn so với các

cặp tiêu chuẩn khác (3,0%) nhưng có 4,6% chương trình đào tạo có đánh giá ở tiêu chuẩn Kết quả thấp hơn Hoạt động hỗ trợ người học. Các cặp tiêu chuẩn còn lại không tìm thấy mối quan hệ rõ ràng (Bảng 4).

Bảng 3. Phân tích kết quả kiểm định 834 chương trình đào tạo

Tiêu chuẩn	TC 1	TC 2	TC 3	TC 4	TC 5	TC 6	TC 7	TC 8	TC 9	TC 10	TC 11
Chưa đáp ứng	426	424	697	148	522	245	170	49	336	444	351
Tỷ lệ %	51,1%	50,8%	83,6%	17,7%	62,6%	29,4%	20,4%	5,9%	40,3%	53,2%	42,1%
Đáp ứng	407	406	133	676	303	540	623	621	414	383	437
Tỷ lệ %	48,8%	48,7%	15,9%	81,1%	36,3%	64,7%	74,7%	74,5%	49,6%	45,9%	52,4%
Đáp ứng cao	1	4	4	10	9	49	41	164	84	7	46
Tỷ lệ %	0,1%	0,5%	0,5%	1,2%	1,1%	5,9%	4,9%	19,7%	10,1%	0,8%	5,5%

Bảng 4. Mức độ đáp ứng theo cặp của tiêu chuẩn 11 với các tiêu chuẩn khác

Cặp tiêu chuẩn	Cùng chưa đáp ứng	Cùng đáp ứng cao	Tiêu chuẩn 11 đáp ứng cao hơn	Tiêu chuẩn 11 đáp ứng thấp hơn
11-1	10,2%	1,4%	0,2%	0,0%
11-2	20,7%	0,4%	2,3%	0,1%
11-3	36,1%	0,1%	3,6%	0,1%
11-4	7,2%	1,0%	0,2%	0,1%
11-5	29,9%	0,4%	2,8%	0,5%
11-6	15,2%	1,1%	0,5%	0,7%
11-7	7,7%	1,1%	1,1%	0,2%
11-8	4,1%	3,0%	0,0%	4,6%
11-9	20,7%	0,7%	1,9%	2,9%
11-10	27,0%	0,7%	1,1%	0,0%

5. Kết luận

Qua nghiên cứu kết quả kiểm định chất lượng của các cơ sở giáo dục đại học trên cả nước trong giai đoạn 2017 - 2023 cho thấy, với 7 tiêu chuẩn cùng có tỷ lệ Chưa đáp ứng cao, chứng tỏ hầu hết các chương trình đào tạo chưa đáp ứng đúng mức yêu cầu của kiểm định chất lượng giáo dục (Tiêu chuẩn 1: 51%, Tiêu chuẩn 2: 50,8%, Tiêu chuẩn 3: 83,6%, Tiêu chuẩn 5: 62,6%, Tiêu chuẩn 9: 40,3%, Tiêu chuẩn 10: 53,2%), Tiêu chuẩn 11: 42,1%). Tiêu chuẩn 6 và 8 có mức Đáp ứng cao nhỉnh hơn so với các tiêu chuẩn khác (lần lượt là 5,9% và 3,7%) tuy nhiên tỷ lệ này nhỏ. Dù vậy, các Tiêu chuẩn 1, 2, 3 phần lớn Chưa đáp ứng lại là các tiêu

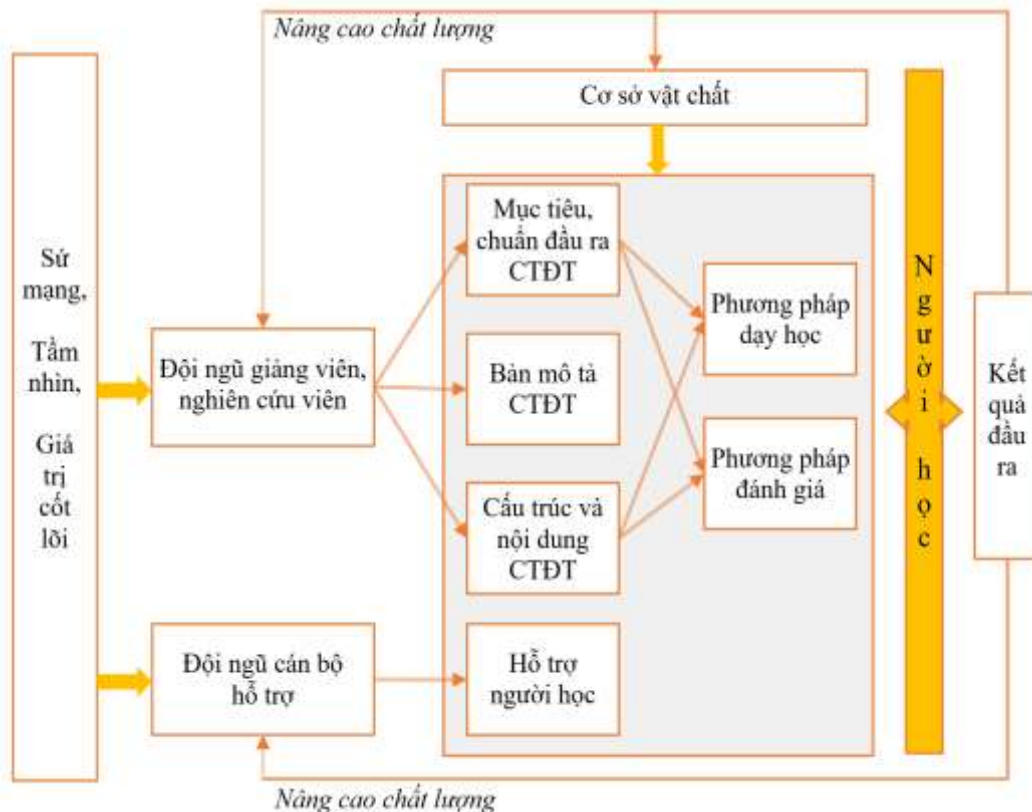
chuẩn cốt lõi, định hướng toàn bộ các bước tiếp theo trong phát triển chương trình đào tạo và ảnh hưởng đến các tiêu chuẩn Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học, Đánh giá kết quả học tập của người học, Nâng cao chất lượng - các tiêu chuẩn cũng có tỷ lệ Chưa đáp ứng ở mức cao. Điều này chứng tỏ quy trình phát triển chương trình đào tạo, tổ chức hoạt động đánh giá kết quả học tập đáp ứng chuẩn đầu ra, bảo đảm chất lượng trong hoạt động triển khai đào tạo cần được nghiên cứu để cải tiến chất lượng hơn nữa. Phương pháp đánh giá cũng như công cụ đánh giá cần được đa dạng hóa và nâng cao chất lượng để bảo đảm độ tin cậy, độ giá trị và công bằng. Các tiêu chuẩn về Cơ sở vật chất và

trang thiết bị, Kết quả đầu ra cùng có tỷ lệ Chưa đáp ứng cao.

Khi nghiên cứu mối quan hệ giữa tiêu chuẩn về Kết quả đầu ra với các tiêu chuẩn còn lại, có thể khẳng định sự tồn tại mối quan hệ nguyên nhân - kết quả giữa chúng ở 5/10 cặp tiêu chuẩn (Cùng chưa đáp ứng ở tỷ lệ cao), bao gồm các cặp tiêu chuẩn Kết quả với Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo (36,1%), Đánh giá kết quả học tập của người học (29,9%), Bản mô tả chương trình đào tạo (20,7%), Cơ sở vật chất và trang thiết bị (20,7%) và Nâng cao chất lượng (29,0%). Việc cải tiến chất lượng Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học, nâng cao chất lượng Cơ sở vật chất và trang thiết bị, quy trình bảo đảm chất lượng sẽ có tác động tích cực, có thể cải thiện việc Đánh giá kết quả học tập của người học. Cơ sở vật chất có thể hạn chế việc áp dụng các phương pháp kiểm tra đánh giá tiên tiến, nhưng thực tế vẫn có những sự lựa chọn không yêu cầu nhiều về cơ sở vật

chất. Để làm được điều đó, cần tập huấn cho giảng viên về các phương pháp đánh giá để họ áp dụng. Việc nâng cao chất lượng của chương trình đào tạo thông qua cải tiến chất lượng Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học cũng như đổi mới hoạt động kiểm tra đánh giá là vấn đề cần được đặt ra thường xuyên.

Ở cặp tiêu chuẩn 11-3, tiêu chuẩn Kết quả đáp ứng cao hơn tiêu chuẩn Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (3,6%) chứng tỏ Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học được thiết kế tốt hơn nhưng Kết quả đầu ra chưa đáp ứng cao; cặp tiêu chuẩn 11-8 có kết quả đánh giá tiêu chuẩn Kết quả thấp hơn tiêu chuẩn về Hoạt động hỗ trợ người học (4,6%) chứng tỏ hoạt động hỗ trợ người học được triển khai nhưng chưa thu lại kết quả như kỳ vọng. Dù vậy, các tỷ lệ này đều nhỏ. Các cặp tiêu chuẩn 11-1, 11-4, 11-6, 11-7 và 11-8 không thể hiện rõ mối quan hệ nguyên nhân - kết quả rõ ràng.



Hình 3. Sơ đồ về sự ảnh hưởng và nâng cao chất lượng.

6. Một số giải pháp nâng cao chất lượng và cải thiện kết quả kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Thứ nhất, bồi dưỡng cho giảng viên về phát triển chương trình đào tạo. Việc phát triển chương trình đào tạo được hình thành từ việc xác định mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của cơ sở giáo dục, nhu cầu của các bên liên quan đến xây dựng bản mô tả chương trình đào tạo và định hình cấu trúc, nội dung của chương trình dạy học. Bên cạnh đó, cần bồi dưỡng cho giảng viên về phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá tiên tiến, cũng như áp dụng hiệu quả các kết quả nghiên cứu khoa học vào hoạt động dạy học cũng như đánh giá người học. Hoạt động này cần được quan tâm thường xuyên bởi giảng viên sẽ là những người trực tiếp tham gia vào quá trình giảng dạy và đồng thời là người cung cấp những phản hồi hiệu quả về việc thực hiện, đánh giá chính xác về hiệu quả thực hiện chương trình đào tạo. Vì vậy họ cần được trang bị những công cụ cần thiết.

Thứ hai, xây dựng và chuẩn hóa quy trình phát triển chương trình đào tạo, tập huấn để giảng viên hiểu và nắm rõ quy trình để thực hiện, nhằm bảo đảm chất lượng của chương trình đào tạo trong quá trình phát triển. Quy trình này có thể đến từ các quy định của cơ quan quản lý nhà nước, tuy nhiên các quy định này thường không đủ chi tiết và cần có người chuyên môn hướng dẫn kỹ càng hơn để có thể thực hiện hiệu quả.

Thứ ba, xây dựng văn hóa chất lượng, nâng cao nhận thức cho giảng viên và cán bộ hỗ trợ về công tác bảo đảm chất lượng. Mỗi cá nhân tham gia trong quá trình đào tạo đều phải tự ý thức và xây dựng cho mình động cơ vì chất lượng. Chất lượng đến từ từng khâu trong quá trình phát triển cũng như triển khai chương trình đào tạo, do đó các hoạt động bảo đảm chất lượng bên trong cần được chăm lo.

Thứ tư, đều đặn tự đánh giá và cải tiến chất lượng quy trình phát triển, quá trình triển khai và kết quả thực hiện chương trình đào tạo. Việc tự đánh giá là cơ sở của cải tiến chất lượng và cần được thực hiện một cách khách quan, bao gồm từ từng khâu phát triển đến triển khai chương trình đào tạo, giám sát chất lượng, kể cả cải tiến chất lượng ở chính các quy trình tự đánh giá này. Trong quá trình tự đánh giá, cần có các tiêu chí đánh giá hoặc đánh giá dựa trên một bộ tiêu chuẩn được lựa chọn, đồng thời cần thực hiện đối sánh chất lượng để định vị điểm mạnh,

điểm tồn tại của chương trình đào tạo. Trên cơ sở đó, việc rà soát và cập nhật chương trình đào tạo được thực hiện, làm thay đổi các định hướng chiến lược thực hiện của chương trình đào tạo, giúp phát huy những điểm mạnh, khắc phục điểm tồn tại, duy trì sự tồn tại lâu dài và mang đến những định hướng mới cho chương trình đào tạo.

Thứ năm, hoạt động hỗ trợ người học là cần thiết, đặc biệt là trong bối cảnh chuyển đổi số trong giáo dục, đào tạo trực tuyến phát triển rộng rãi,... Ngoài việc học tập, người học cần có những hoạt động ngoại khóa, hoạt động tự học và cần sự giám sát và trợ giúp kịp thời, hiệu quả. Việc trợ giúp không chỉ thuần túy là vấn đề về chuyên môn mà còn cả về vấn đề tâm lý học đường, thủ tục hành chính hoặc các vấn đề liên quan.

Thứ sáu, định kỳ khảo sát các bên liên quan về chất lượng chương trình đào tạo để có thông tin cải tiến chất lượng. Việc định kỳ khảo sát các bên liên quan về chất lượng chương trình đào tạo không chỉ là cơ hội để các cơ sở giáo dục nắm bắt được nhu cầu về nhân sự, nguồn nhân lực đối với các ngành nghề đang đào tạo tại trường mà còn là kênh phản hồi cụ thể về chất lượng nguồn nhân lực mà chương trình đào tạo đang tạo ra để từ đó có những điều chỉnh, bổ sung sao cho phù hợp với nhu cầu của xã hội.

Tài liệu tham khảo

- [1] O. C. B, Johnson, Guide to AUN-QA Assessment at Institutional Level (Version 2.0), ASEAN University Network-Quality Assurance, 2016.
- [2] G. Prakash, Quality in Higher Education Institutions: Insights from the Literature, The TQM Journal, Vol. 30, No. 6, 2018, pp. 732-748.
- [3] N. Cuong, Distinguishing Three Quality Assurance Models in Higher Education: Accreditation, Assessment and Audit, VNU Journal of Science: Education Research, Vol. 33, No. 1, 2017, pp. 91-96.
- [4] D. Woodhouse, Quality and Quality Assurance, Quality and Internationalisation in Higher Education, OECD-IMHE, Paris, 1999, pp. 29.
- [5] U. B. Jamoliddinovich, Fundamentals of Quality Assurance in the Higher Education System of Uzbekistan, Central Asian Journal of Theoretical and Applied Science, Vol. 3, No. 5, 2022, pp. 197-202.
- [6] P. G. Altbach, L. Reisberg, L. Rumbley, Trends in Global Higher Education: Tracking an Academic Revolution, Paris: UNESCO, 2009, <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000183219/PDF/183219eng.pdf.multi/>, 2009 (accessed on: March 03rd, 2024).
- [7] T. T. T. Hien, M. Nhuan, N. Huong, V. Phuong, N. Uoc, Higher Education Quality Assurance and Accreditation and University Autonomy

- Implementation in Vietnam, VNU Journal of Science: Education Research, Vol. 38, No. 2, 2022.
- [8] Law No. 38/2005/QH11 of June 14th, 2005 on Education, 2005 (in Vietnamese).
- [9] Law No. 34/2018/QH12 Dated November 19th, 2018 on Amendments to the Law on Higher Education (in Vietnamese).
- [10] Circular No. 38/2013/TT-BGDĐT Dated November 29th, 2013 on Process and Frequency of Quality Assessment of Training Programs of Universities, Colleges and Junior Colleges (in Vietnamese).
- [11] Circular No. 04/2016/TT-BGDĐT Dated March 14th, 2016 on Quality Assessment Standards for Higher Education Programs (in Vietnamese).
- [12] Circular No. 12/2017/TT-BGDĐT Dated May 19th, 2017 on the Quality Assessment Standards for Educational Institution at Different Levels of Higher Education (in Vietnamese).
- [13] Document No. 1668/QLCL-KDCLGD Dated December 31st, 2019 on the Evaluation of the Quality of Educational Institutions of Higher Education (in Vietnamese).
- [14] Document No. 1669/QLCL-KDCLGD Dated December 31st, 2019 on the Evaluation of the Quality of Educational Programs of Higher Education (in Vietnamese).
- [15] Document No. 1074/KTKDCLGD-KDDH on June 28th, 2016 on General Guidance on using Standards to Evaluate the Quality of Training Programs at Different Levels of Higher Education (in Vietnamese).
- [16] Document No. 1075/KTKDCLGD-KDDH on June 28th, 2016 on Instructing for Self-assessment of Training Programs (in Vietnamese).
- [17] Document No. 1076/KTKDCLGD-KDDH on June 28th, 2016 External Assessment Guidance of Training Program (in Vietnamese).
- [18] Document No. 2085/KTKDCLGD-KDDH on December 31st, 2020 on Guiding Self-assessment and External Assessment of Training Program (in Vietnamese).
- [19] Law No. 44/2009/QH12, Amending and Supplementing a Number of Articles of the Education Law 2009 (in Vietnamese).
- [20] Law No. 43/2019/QH14 Dated June 14th, 2019 on Education (in Vietnamese).
- [21] Law No. 08/2012/QH13 of June 18th, 2012 on Higher Education (in Vietnamese).
- [22] Decree No. 99/2019/ND-CP Dated December 30th, 2019 on Elaborating and Providing Guidelines for a Number of Articles of the Law on Amendments to the Law on Higher Education (in Vietnamese).
- [23] Circular No. 36/2017/TT-BGDĐT Dated December 28th, 2017 on Promulgating Regulations on Public Disclosure for Educational Institutions in the National Education System (in Vietnamese).
- [24] Circular No. 07/2015/TT-BGDĐT Dated April 16th, 2015, on Promulgate Regulations on the Minimum amount of Knowledge and Capacity Requirements that Learners must Achieve after Graduation for each Training Level of Higher Education and the Process of Developing, Appraising and Promulgating Training Programs for Undergraduate, Master's and Doctoral Levels (in Vietnamese).
- [25] Circular No. 17/2021/TT-BGDĐT Dated June 22nd, 2021, on Providing for Standards and Formulation, Appraisal and Promulgation of Training Programs of Higher Education (in Vietnamese).
- [26] L. H. Tung, Some Suggestions for Choosing a Model of Higher Education Quality Accreditation in Vietnam, Journal of Educational Science, No. 36, 12/2020.